

むりょう! FREE! GRATUITO! 免费! Miễn phí!

外国人就労・定着支援研修

にほんご

しごとのための日本語

Japanese Language for Work

No.	かいじょう Place Lugar 会场 Địa điểm học	レベル Level Nivel 等级 Trình độ	コースきかん、にちじ Course Period, Times Período del Curso, Horario 培训期间、课程表 Thời gian khóa học	もうしこみしめきり Application Deadline Fecha Límite para Inscripción 申请最后期限 Hạn đăng ký	レベルチェックテスト Placement Test Prueba de nivel 日语水平测试 Bài thi kiểm tra trình độ
81	①あつぎ ATSUGI (Map①)	3	2023/12/5 ~ 2024/2/5 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 ☀️ 9:30 ~ 12:30	11/22	11/27
70			2023/12/7 ~ 2024/2/7 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 ☀️ 9:30 ~ 12:30		11/27
77	②よこはま YOKOHAMA (Map②)	3	2023/12/4 ~ 2023/2/1 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 ☀️ 9:00 ~ 12:00	11/22	11/24
86			2023/11/28 ~ 2023/2/29 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 🌙 19:00 ~ 21:00		11/10
88	④ひらつか HIRATSUKA (Map④)	2	2023/12/8 ~ 2024/3/1 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 🌙 19:00 ~ 21:00	11/27	11/30
			2023/12/8 ~ 2024/3/1 げつ-きん Mon.-Fri. Lun. a vie. 周一-周五 Thứ 2 ~ Thứ 6 🌙 19:00 ~ 21:00		11/27

ざいりゅうしかく / Status of residence / Tipo de visa / 居留资格 / Tư cách lưu trú

- ・えいじゅうしゃ/にほんじんのはいぐうしゃなど/えいじゅうしゃのはいぐうしゃなど/
ていじゅうしゃ
- ・Permanent resident, Spouse or child of Japanese national, Spouse or child of permanent resident,
and Long term resident
- ・Residente permanente (“eijusha”), cónyuge o hijo de japonés (“nihonjin no haigusha”),
cónyuge o hijo de residente permanente (“eijusha no haigusha”) y residente de largo
período (“teijusha”).
- ・永住者、日本人的配偶等、永住者の配偶等、定住者
- ・Người cư trú vĩnh viễn, vợ/chồng của người Nhật, v.v..., vợ/chồng của người cư trú vĩnh viễn, v.v...,
người đăng ký thường trú.

もうしこみ / To apply / Inscripción / 报名方法 / Cách đăng ký

- ・ハローワークでもうしこみ
- ・Apply to the Hello Work
- ・Inscribirse en la Oficina Pública de Empleos
(Hello Work)
- ・请在公共职业安定所进行咨询、办理申请手续
- ・Đăng ký tại Văn phòng ổn định việc làm Hello Work



●しゃしん1まい
Photo × 1, 1 Foto
照片1张, 1 tấm ảnh
(3 × 4cm)



●ざいりゅうカードまたはパス
ポート / Residence card (ZAIKYU
Card) or Passport / La Tarjeta de
Residencia o Pasaporte /
在留卡或护照 /
Thẻ lưu trú hoặc hộ chiếu

- ・レベルチェック
テスト
- ・Placement Test
- ・Prueba de nivel
- ・日语水平测试
- ・Bài thi kiểm tra
trình độ



けんしゅうスタート
Training Begins / Inicio del curso
进修开始 / Bắt đầu khóa đào tạo

① あつぎ (ATSUGI)

おだきゅうせんほんあつぎえききたぐちとほ ふん
小田急線本厚木駅北口から徒歩5分



プロミティあつぎ 8階
8F, Promity Atsugi Bldg, 4-16-21 Naka-cho, Atsugi,
Kanagawa 243-0018

② よこはま (YOKOHAMA)

さくらぎょうえき とほ ふん
JR桜木町駅から徒歩10分



万国橋会議センター (ばんこくばしかいぎセン
ター) 4階
4-23 Kaigandōri, Naka, Yokohama, Kanagawa 231-
0002

③ かわさき (KAWASAKI)

かわさきえきちゅうおうひがしぐちとほ ふん
JR川崎駅中央東口から徒歩3分



川崎商工会議所 (かわさきしょうこうかいぎしょ) 2階
2F, Kawasaki Frontier Building, 11-2, Ekimae Honcho,
Kawasaki-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa 210-0007

④ ひらつか (HIRATSUKA)

ひらつかえき にしぐち とほ ふん
JR平塚駅 西口から徒歩1分



三島カルチャー貸し会議室
12-25 Yaezakicho, Hiratsuka, Kanagawa 254-0811

ちゅういじこう / Notes / Notas / 注意事項 / Điểm cần lưu ý

- ・レベルチェックテストはかならずうけてください。テストのけっかでけんしゅうをうけることができないことがあります。レベルチェックテストには えんぴつと けしごも をもってきてください。
 - ・All participants are required to take the placement test to determine Japanese level. Please note that if the test results indicate that none of the course levels would be appropriate for your level, you may be asked to participate in upcoming courses instead. Please bring a pencil and an eraser for the placement test.
 - ・Rendir la prueba de nivel (examen escrito y de conversación) es requisito básico para participar en los cursos. Según el resultado de estos exámenes, existe la posibilidad de no poder participar en el curso. Por favor, traer lápiz y borrador para el examen.
 - ・为了决定所属班级，请务必参加日语水平考试。如果考试结果与培训课程的水平不相符时，有可能会请您参加下一次以后的培训。日语水平测试时请带上书写工具。
 - ・Nhất định hãy tham gia bài thi kiểm tra trình độ.
- Tùy vào kết quả của bài thi, có thể bạn sẽ không được tham gia khóa đào tạo. Hãy mang theo bút chì và cục tẩy để làm bài thi kiểm tra trình độ.

といあわせ / Contact Info / Información de contacto / 联系方式 / Liên hệ

かいじょう Place/ Lugar/ 会場/ Địa điểm	なまえ Name/ Nombre/ 姓名/ Tên	でんわばんごう TEL/ Teléfono/ 电话号码/ Số điện thoại E メールアドレス/E-mail	ことば Language/ Idioma/ 语言/ Ngôn ngữ
よこはま / YOKOHAMA かわさき / KAWASAKI	えりあな (Eliana)	080 4336 0891 tabunka26@softbank.ne.jp	にほんご・ぼるとがご・すべいご Japanese, Portuguese, and Spanish
あつぎ / ATSUGI ひらつか / HIRATSUKA	めいれ (Meire)	090 6512 7445 tabunka109@softbank.ne.jp	にほんご・えいご・ぼるとがご・すべいご Japanese, English, Portuguese, and Spanish



JICE Website
<https://www.jice.org/tabunka/course/>



JICE Facebook
しごとのためにほんご
<https://www.facebook.com/jice.tabunka/>



一般財団法人日本国際協力センター
〒163-0716東京都新宿区西新宿二丁目7番1号
新宿第一生命ビル16階
All Rights Reserved, Copyright © 2023, Japan International Cooperation Center.